

Bản án số: 134/2020/HC-PT

Ngày 21 - 5 - 2020

V/v: Kiện Quyết định hành chính về
thu hồi, bồi thường đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 427/2017/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường đất*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449/2020/QĐPT-HC ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 82 L, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cùng địa chỉ: Số 01 đường Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D;

Địa chỉ: 265 L, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh H - Giám đốc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D. (Có mặt)

3.2. Ông Vũ Anh T, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Số 103 chung cư V, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Người làm chứng:

- Ông Huỳnh N, sinh năm 1937; (vắng mặt)

Địa chỉ: 488 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Ông Trương V, sinh năm 1939; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 498 B, phường Nguyễn An N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 30/11/1996 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 907/TTg thu hồi 997.263 m² đất tại Khu Trung tâm Chí Linh thuộc phường 8, 9, 10 thành phố V để giao cho Công ty Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ sử dụng theo quy hoạch.

Ngày 05/7/2002 Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (UBND tỉnh BR-VT) ban hành Quyết định số 5431/QĐ.UB (viết tắt là Quyết định số 5431) về việc phê duyệt kinh phí đền bù, trợ cấp khi Nhà nước thu hồi đất cho Bà Vũ Thị T để xây dựng công trình Khu Trung tâm Chí Linh, diện tích đất bị thu hồi 1.445,0m² không được đền bù, nhưng được trợ cấp theo Thông báo số 165/TB-UB là 6.000đồng/m², số tiền được trợ cấp là 8.670.000 đồng.

Ngày 21/02/2013 bà T làm đơn khiếu nại Quyết định số 5431. Lý do bà T khiếu nại là chưa nhận được Quyết định số 5431 và chưa nhận được tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị thu hồi này.

Ngày 07/9/2016 Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 2463/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà T (viết tắt là Quyết định số 2463), có nội dung:

“- Công nhận nội dung khiếu nại của bà T về việc chưa nhận được Quyết định số 5431 và chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích 1.445 m² đất bị thu hồi là đúng.

- Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu được nhận tiền bồi thường theo bảng giá đất UBND tỉnh quy định hiện nay của Bà Vũ Thị T.”

Ngày 11/10/2016 bà T làm đơn khởi kiện Quyết định số 5431 và Quyết định số 2463, với lý do:

Diện tích đất 1.445,0m² của bà T và ông Vũ Anh T (là em ruột của bà T) bị thu hồi có nguồn gốc của ông Lê Văn D và bà Lưu Thị T2 có từ trước năm 1975 và đã được chế độ cũ cấp trích địa bộ. Sau đó ông D và bà T2 không canh tác nữa mà về sinh sống tại TP.Hồ Chí Minh.

Năm 1989 bà T và ông T khai phá khu đất này được khoảng 6.000m². Bà T và ông T sử dụng đất để trồng lúa, do đất nhiễm phèn nên chuyển sang đào ao nuôi cá. Quá trình sử dụng đất không bị cơ quan nào xử phạt.

Năm 2012 ông T và bà T làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), thì Phòng TN&MT thành phố V cho biết đất này UBND tỉnh BR-VT đã ban hành Quyết định số 5431/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 thu hồi 1.445m² (là 01 phần trong tổng diện tích 6.000m²) số cũ là thửa 586, tờ bản đồ số 1, phường 8, nay là thửa số 76, 77 tờ bản đồ số 53 phường N. Hiện nay trên phần đất thu hồi có 01 căn nhà (diện tích 30m²) phần còn lại là Ao, trên bờ Ao có trồng Chuối và Dừa.

Như vậy đất có nguồn gốc rõ ràng là từ ông D và bà T2 sử dụng từ trước năm 1975, sau năm 1975 ông D và Tư bỏ về TP.Hồ Chí Minh sinh sống thì bà T và ông T đến khai phá đất hoang sử dụng cho đến nay, không phải là đất công thổ.

Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 5431/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù, trợ cấp khi Nhà nước thu hồi đất của Bà Vũ Thị T.

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 7/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chỉ giữ lại nội dung tại đoạn 1 Điều 1 của Quyết định có nội dung: *“- Công nhận nội dung khiếu nại của bà T về việc chưa nhận được Quyết định số 5431 và chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích 1.445 m² đất bị thu hồi là đúng”*.

- Buộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành lại quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ hoa màu, Ao và diện tích 1.445m² đất theo quy định của pháp luật Đất đai hiện hành.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 21/02/2013 Bà Vũ Thị T có đơn khiếu nại cho rằng bà chưa nhận được Quyết định số 5431 của UBND tỉnh và chưa nhận tiền bồi thường hỗ trợ

đối với diện tích 1.445m^2 bị thu hồi, bà yêu cầu được nhận tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 1.445m^2 theo bảng giá đất quy định hiện nay.

Tại Quyết định số 2463/UBND tỉnh BR-VT công nhận nội dung khiếu nại của bà T về việc chưa nhận được Quyết định số 5431 và chưa nhận được tiền bồi thường hỗ trợ đối với phần diện tích 1.445m^2 . Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu nhận tiền bồi thường theo bảng giá đất quy định hiện nay vì diện tích 1.445m^2 không được bồi thường về đất cũng như hoa màu, vật kiến trúc trên đất chỉ được trợ cấp $6.000\text{đ}/\text{m}^2$ theo Thông báo số 165/TB-UB ngày 16/10/2000 của UBND tỉnh BR-VT.

Tại Công văn số 6839/UBND-VP ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh BR-VT nêu lý do không được bồi thường về đất cũng như hoa màu, vật kiến trúc trên đất là căn cứ hồ sơ địa chính phường 8 lập năm 1989 thì 1.445m^2 đất thuộc một phần thửa 586/275.241 m^2 tờ bản đồ số 01 là đất hoang do Nhà nước quản lý. Còn theo hồ sơ địa chính phường 8 lập năm 2016 thì khu đất do Trung tâm Chí Linh đứng tên quản lý sử dụng đất (theo Quyết định số 907/TTg ngày 30/11/1996) của Thủ tướng chính phủ về việc thu hồi 997.263m^2 đất tại các phường 8, 9, 10 thành phố V để giao cho Công ty Đầu tư Xây dựng và Du lịch để thực hiện dự án Khu Trung tâm Chí Linh, thành phố V).

Theo biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất đai của Bà Vũ Thị T tại Bàu Trũng do Hội đồng xét cấp GCNQSD đất phường 8, thành phố V lập năm 1997 kết luận: *“Diện tích đất 1.445m^2 bản đồ số 1 thửa 586 do Bà Vũ Thị T chiếm dụng đất nhà nước chưa sử dụng, không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, bà T chiếm dụng đất nhà nước quản lý để sử dụng từ năm 1997 không kê khai đăng ký, không nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, thì trường hợp đất của Bà Vũ Thị T không có một trong các điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất. Vì vậy, căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì bà T không được đền bù thiệt hại về đất.

Về tổ tụng ông Vũ Anh Tuấn không liên quan đến 02 Quyết định bị khởi kiện nên việc đưa ông T vào tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển D là đơn vị thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định của UBND tỉnh BR-VT, việc bà T chưa nhận được quyết định bồi thường là không có căn cứ, bà T chỉ nại ra mà thôi. Việc xác nhận đất của ông Huỳnh Nho không phải là cấp quản lý hành chính nhà nước, nên xác nhận đơn xin sử dụng đất không có giá trị; do đó đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Ông Vũ Anh Tuấn và người đại diện theo ủy quyền của ông T đồng với với phần trình bày của bà T không bổ sung thêm ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2017/HCST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị T;

- Hủy Quyết định số 5431/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù, trợ cấp khi Nhà nước thu hồi đất với Bà Vũ Thị T.

- Hủy một phần tại Điều 1 Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về phần “ Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu được nhận tiền bồi thường theo bảng giá đất UBND tỉnh quy định hiện nay của Bà Vũ Thị T.”

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện việc bồi thường hỗ trợ diện tích 1.445m² đất nông nghiệp (là 01 phần diện tích đất trong số cũ thửa 586, tờ bản đồ số 1, phường 8), nay là thửa số 76, 77 tờ bản đồ số 53 phường Nguyễn An Ninh, thành phố V cho Bà Vũ Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 người bị kiện UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Theo hồ sơ địa chính Phường 8 lập năm 1989 thì phần diện tích 1.445m² thuộc một phần thửa 586/275.241 m² tờ bản đồ số 01 là đất hoang do nhà nước quản lý. Còn theo hồ sơ địa chính Phường 8 lập năm 2016 thì khu đất thuộc khu đô thị Trung tâm Chí Linh đứng tên người quản lý sử dụng đất. Theo Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất đai của bà T lập năm 1997 kết luận: “*Diện tích đất 1.445m² bản đồ số 1, thửa 586 do Bà Vũ Thị T chiếm dụng đất nhà nước chưa sử dụng, không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định*”. Như vậy, bà T chiếm dụng đất nhà nước quản lý để sử dụng từ năm 1997 không kê khai đăng ký, không nộp thuế sử dụng đất hàng năm nên căn cứ quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì bà T không đủ điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất. Căn cứ Điều 7 Nghị định 22 thì bà T không được đền bù thiệt hại về đất mà chỉ được xem xét hỗ trợ theo quy định. Do vậy, đề nghị sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên quyết định số 5431/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và quyết định 2463/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu của Bà Vũ Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ủy ban căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 22/1998 ngày 24/4/1998 cho rằng bà T không đóng thuế cho nhà nước là không đủ điều kiện được đền bù là không đúng. Việc sử dụng đất

của bà T từ năm 1989, quá trình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không có văn bản ngăn chặn, xử phạt của cơ quan có thẩm quyền về hành vi lấn chiếm đất của bà T. Theo quy định bà T được miễn thuế đất 5 năm chứ không phải bà T không đóng thuế. Bà T có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản kiểm tra đất, biên bản niêm yết, và tại Công văn số 29/UBND-ĐC ngày 31/01/2013 và công văn số 32/UBND-ĐC ngày 04/2/2013 của UBND của Ủy ban phường N công nhận đất do bà T khai phá.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty Cổ phần Đầu tư phát triển D ông Nguyễn Anh H trình bày: Theo bà T khai nhận tại Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 25/6/2011 và ngày 05/12/2012 về nguồn gốc, mục đích để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 586 là bà không kê khai, không đăng ký với nhà nước và người khác thuê đất để không phải đóng thuế do hiệu quả thấp tức bà T không đủ điều kiện để bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bà T khai hoang và sử dụng phần diện tích đất 1.445 m² là phù hợp với Luật đất đai năm 1987 được Nhà nước khuyến khích. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp, không bị ngăn chặn hay bị xử phạt của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, việc sử dụng đất của bà T không phải là lấn chiếm đất Nhà nước chưa sử dụng. Đối với nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước xét thấy theo Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 thì đất khai hoang được miễn thuế 5 năm. Đến năm 2011 bà T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Nên bà T thuộc trường hợp chậm nộp thuế chứ không phải không nộp thuế sử dụng đất. Do đó, trường hợp của bà T đủ điều kiện đền bù khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo sổ mục kê năm 1989 thì phần diện tích 1.445 m² đất do bà T quản lý sử dụng thuộc loại đất hoang do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế Nhà nước chưa quản lý trực tiếp phần đất này. Tại công văn số 29/UBND-ĐC ngày 31/01/2013 của UBND phường 8 trả lời:

“ Kể từ ngày thành lập Phường 8 cho đến thời điểm năm 1997, trong các tài liệu lưu trữ hiện nay UBND phường 8 có được thì không có tài liệu quản lý trực tiếp nào của cơ quan nhà nước với thửa đất số 586 tờ bản đồ số 01 như qui phường yêu cầu cung cấp”.

Tại Công văn số 32/UBND-ĐC ngày 04/02/2013 của UBND phường Nguyễn An Ninh gửi Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V có ý kiến: *“Thửa đất của bà T phải được coi là do khai phá từ đất bỏ hoang chứ không phải đất do nhà nước quản lý, bởi chưa có cơ quan nào đại diện cho nhà nước có văn bản hành chính xác định việc quản lý.”.*

Như vậy, Ủy ban tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chỉ căn cứ theo Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất đai của bà T lập năm 1997 kết luận: *“Do bà T chiếm dụng đất nhà nước chưa sử dụng không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo qui định”*, nhưng không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh việc chiếm dụng đất chưa sử dụng.

Mặt khác, căn cứ vào *“Đơn xin đăng ký sử dụng đất”* có nội dung đất khai phá từ năm 1989 có xác nhận ngày 11/10/1990 còn lưu trữ giấy gốc, *“Đơn xin đăng ký sử dụng đất”* có thời điểm sử dụng đất phù hợp với Phiếu lấy ý kiến khu Dân cư của UBND phường Ng về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất.

Như vậy, bà T khai hoang và sử dụng phần diện tích đất 1.445 m² là phù hợp với Luật đất đai năm 1987 được Nhà nước khuyến khích để tạo ra sản phẩm cho xã hội. Trong quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, không bị ngăn chặn hay xử phạt của cơ quan có thẩm quyền. Nên xác định việc sử dụng đất của bà T không phải là lấn chiếm đất Nhà nước chưa sử dụng.

[2] Về nghĩa vụ tài chính:

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Luật Thuế sử dụng đất Nông nghiệp năm 1993 thì Đất khai hoang trước ngày 15/10/1993 được miễn thuế 5 năm và tới năm 2011 bà T đã nộp đầy đủ thuế cho nhà nước, không ai tranh chấp khiếu nại việc nộp thuế của bà T. Việc bà T chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp do nguyên nhân khách quan đất khai hoang sản xuất chưa hiệu quả; lỗi chậm nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp so với chủ trương lớn của nhà nước về khuyến khích khai hoang đất không phải là căn cứ cho rằng việc sử dụng đất của người dân không hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì trường hợp của Bà Vũ Thị T đủ điều kiện đền bù khi Nhà nước thu hồi đất. Việc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không bồi thường đối với phần diện tích thu hồi đất của bà T là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà T.

Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị T có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 2 Luật đất đai năm 1987; Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 19 Luật Thuế sử dụng đất Nông nghiệp năm 1993; Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; điểm c khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 20, khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Mục 3 và 7 Quyết định 318-CP của Hội đồng Chính Phủ ngày 10/9/1979; mục 3 Quyết định 201-HĐCP Hội đồng Chính Phủ ngày 01/7/1980; Điều 11 Quyết định 327-CT ngày 15/9/1992 của Hội Đồng Bộ trưởng; Điều 4 Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội; Khoản 1 mục I Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/07/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị T;

- Hủy Quyết định số 5431/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kinh phí đền bù, trợ cấp khi Nhà nước thu hồi đất với Bà Vũ Thị T.

- Hủy một phần tại Điều 1 Quyết định số 2463/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về phần “ Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu được nhận tiền bồi thường theo bảng giá đất UBND tỉnh quy định hiện nay của Bà Vũ Thị T.”

- Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện việc bồi thường hỗ trợ diện tích 1.445m² đất nông nghiệp (là 01 phần diện tích đất trong số cũ thửa 586, tờ bản đồ số 1, phường 8), nay là thửa số 76, 77 tờ bản đồ số 53 phường Nguyễn An Ninh, thành phố V cho Bà Vũ Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0003580 ngày 12/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; (1)
- Các đương sự (6);
- Lưu: VP (3), HS (3) 18b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân

